

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2006

Số: 64/2006/TTLT-BNN-
BNV-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006
của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề
đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật,
Thú y và Kiểm soát dê điều**

Căn cứ Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát dê điều (sau đây gọi tắt là Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát dê điều như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc trực tiếp làm chuyên môn đã được chuyển xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) vào các ngạch công chức, viên chức chuyên ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát dê điều (các ngạch có 2

chữ số đầu của mã số ngạch là 09, 10, 11) thuộc biên chế trả lương trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp của nhà nước.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 mục này không được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề trong các thời gian sau:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4, Điều 8, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

b) Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không trực tiếp làm công tác chuyên môn trên 3 tháng;

c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 1 tháng trở lên;

d) Thời gian ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành;

e) Thời gian bị đình chỉ công tác.

II. MỨC PHỤ CẤP

Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều gồm các mức sau:

1. Ngành Kiểm lâm

- Mức phụ cấp 50% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm làm việc trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;

- Mức phụ cấp 45% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm làm việc trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5;

- Mức phụ cấp 40% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm công tác trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,3;

- Mức phụ cấp 30% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;

- Mức phụ cấp 25% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm công tác trên địa bàn xã nơi không có phụ cấp khu vực và công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5;

- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,3;

- Mức 15% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi không có phụ cấp khu vực và các Đội kiểm lâm cơ động;

- Mức phụ cấp 10% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm lâm trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ rừng tại các Chi cục kiểm lâm, các Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng.

2. Ngành Bảo vệ thực vật, Thú y

- Mức phụ cấp 25% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;

- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5.

- Mức phụ cấp 15% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm Kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực 0,1 đến 0,3.

- Mức phụ cấp 10% áp dụng đối với các công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi không có phụ cấp khu vực; các công chức, viên chức chuyên môn trực tiếp làm kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, chẩn đoán bệnh động vật, điều tra phát hiện và dự tính dự báo bảo vệ thực vật, giám định và kiểm nghiệm thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật tại các Chi cục Bảo vệ thực vật và Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm thú y hoặc Chi cục kiểm dịch thực vật vùng, Trung tâm chuyên ngành thuộc Cục Thú y và thuộc Cục Bảo vệ thực vật.

3. Ngành Kiểm soát đê điều

- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm soát đê điều làm việc tại các Đội, Hạt kiểm soát đê biển;

- Mức phụ cấp 15% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm soát đê điều làm việc tại các Đội, Hạt kiểm soát đê sông.

III. CÁCH TÍNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP

Cách tính

a) Phụ cấp ưu đãi theo nghề được tính theo mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), được xác định bằng công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Phụ cấp} \\ \text{ưu đãi} \\ \text{theo} \\ \text{nghề} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{tối thiểu} \\ \text{chung} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số lương theo ngạch bậc} \\ \text{hiện hưởng + hệ số phụ cấp} \\ \text{chức vụ lãnh đạo (nếu có) +} \\ \text{\% (quy theo hệ số) phụ cấp} \\ \text{thâm niên vượt khung} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp ưu} \\ \text{đãi theo} \\ \text{nghề được} \\ \text{hưởng.} \end{array} \right)$$

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A là kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã có phụ cấp khu vực là 0,3. Ông A có hệ số lương 3,26, bậc 8, ngạch kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.079). Phụ cấp ưu đãi theo nghề tính cho 1 tháng của ông A như sau:

Do ông A đã được hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Quyết định số 66/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ nên ông A được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề từ ngày 01/10/2004, cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/10/2004 đến ngày 30/9/2005 (áp dụng mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng/tháng):

$$\begin{array}{l} \text{Mức tiền} \\ \text{phụ cấp ưu đãi} \\ \text{theo nghề 1 tháng} \end{array} = 290.000đ \times 3,26 \times 40\% = 378.160 \text{ đồng}$$

- Từ ngày 01/10/2005 (áp dụng mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng/tháng):

$$\begin{array}{l} \text{Mức tiền} \\ \text{phụ cấp ưu đãi} \\ \text{theo nghề 1 tháng} \end{array} = 350.000đ \times 3,26 \times 40\% = 456.400 \text{ đồng}$$

Ví dụ 2: Bà Trần Thị B làm công tác dự tính, dự báo bảo vệ thực vật tại Trạm Bảo vệ thực vật nơi có phụ cấp khu vực là 0,5. Bà B đang xếp ngạch dự báo viên bảo vệ thực vật, mã số ngạch 09.060, hệ số lương 4,98, bậc 12, hưởng 5% phụ cấp thâm niên vượt khung. Kể từ ngày Quyết định 132/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 25/6/2006), bà B được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề mức 20% tính cho 1 tháng như sau:

Mức tiền

phụ cấp ưu đãi = $350.000đ \times [4,98 + (4,98 \times 5\%)] \times 20\% = 366.030$ đồng
theo nghề 1 tháng

b) Phụ cấp ưu đãi được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

c) Trường hợp một công chức kiêm lâm địa bàn phụ trách nhiều xã có mức phụ cấp ưu đãi khác nhau quy định tại khoản 1, mục II Thông tư này thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi cao nhất.

d) Các đối tượng quy định tại khoản 1, mục I khi được điều động công tác đến địa bàn có mức phụ cấp cao hoặc thấp hơn mức phụ cấp đang hưởng thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo địa bàn công tác mới kể từ tháng sau liền kề với tháng có quyết định điều động công tác.

2. Nguồn kinh phí

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ, phụ cấp ưu đãi do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành trong dự toán ngân sách được giao hàng năm cho cơ quan, đơn vị.

b) Đối với cơ quan thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, phụ cấp ưu đãi do cơ quan, đơn vị chi trả từ nguồn kinh phí khoán và nguồn tài chính được giao tự chủ.

Riêng năm 2004, 2005 và 2006, nhu cầu và nguồn kinh phí đảm bảo chi trả chế độ phụ cấp nêu trên được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 02/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Thông tư số 89/2005/TT-BTC ngày 13/10/2005 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu chung.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

a) Đối với các công chức Kiểm lâm đã được hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Quyết định số 66/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức kiểm lâm công tác trên địa bàn xã được tính hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Thông tư này kể từ 01/10/2004.

b) Các đối tượng còn lại được tính hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Thông tư này kể từ ngày Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 25/6/2006).

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2002/TTLT-BNV-BTC-BNNPTNT ngày 25/10/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức kiểm lâm công tác trên địa bàn xã.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trọng Điều

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THỨ TRƯỞNG**

Hứa Đức Nhị